

Bản án số: 67/2019/HSST

Ngày: 06/03/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TH

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Anh Thư

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Quảng Thái
2. Ông Lê Văn Ninh

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Nam Thái - Cán bộ Toà án nhân dân thành phố TH, tỉnh TH.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH, tỉnh TH tham gia phiên toà: Bà Thái Thị Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 06/03/2019, tại hội trường Tòa án nhân dân thành phố TH xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 68/2019/HSST ngày 31/01/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/QĐXXST – HS ngày 22/02/2019 đối với các bị cáo:

1. Lê Văn L; Sinh ngày 03 tháng 5 năm 1988.

Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không.

Nơi cư trú: Tổ 18, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 10/12; Con ông: Lê Văn Đức, sinh năm 1962; Con bà: Nguyễn Thị Bích, sinh năm 1961; Gia đình có 03 chị, em, bị cáo là con thứ ba; Vợ, con: Chưa có.

- Tiền sự: Không.

- Tiền án: 03

+ Tại bản án số 67/2012/HSST ngày 10/9/2012, Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 18 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”, tài sản trộm cắp có giá trị 9.000.000 đồng.

+ Tại bản án số 358/2012/HSST ngày 25/9/2012, Tòa án nhân dân TP Thái Nguyên xử phạt 30 tháng tù giam về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

+ Tại bản án số 360/2012/HSST ngày 25/9/2012, Tòa án nhân dân TP Thái Nguyên xử phạt 15 tháng tù giam về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” . Ra trại ngày 28/8/2017.

- Nhân thân:

+ Tại bản án số 173/2005/HSST ngày 26/7/2005, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xử phạt 18 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 30 tháng về tội “Cướp tài sản”. Chấp hành xong án phí ngày 24/5/2006.

+ Tại bản án số 114/2007/HSST ngày 20/6/2007, Tòa án nhân dân Tp Thái Nguyên xử phạt 09 tháng tù giam về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” . Tổng hợp hình phạt tại bản án số 173/2005/HSST ngày 26/7/2005, xử phạt 27 tháng tù giam . Ra trại ngày 13/4/2009. Chấp hành xong án phí ngày 28/9/2007.

Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam m Công an tỉnh TH từ ngày 21/10/2018). Có mặt tại phiên tòa

2. Bùi Văn C; Sinh ngày 12 tháng 9 năm 1988.

Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không.

- Nơi cư trú : Tổ 14, phường Đồng Quang , thành phố Thái Nguyên , tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 7/12; Con ông: Bùi Thế Diễn (Đã chết); Con bà: Bùi Thị Hà (Đã chết); Bị cáo là con duy nhất ; Vợ: Phạm Thị Hồng Hoa, sinh năm 1993; Con: Có 01 con, sinh năm 2015.

- Tiền sự: Không.

- Tiền án: 05

+ Tại bản án 404/2004/HSPT ngày 24/3/2004, Tòa án nhân dân tối cao xử phạt 04 năm tù giam về tội “Cướp tài sản”. Ra trại ngày 08/02/2007.

+ Tại bản án số 84/2008/HSST ngày 13/5/2008, Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên xử phạt 12 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”. Ra trại ngày 08/3/2009.

+ Tại bản án số 303/2010/HSST ngày 24/9/2010, Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên xử phạt 15 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”. Ra trại ngày 15/10/2011.

+ Tại bản án số 221/2012/HSST ngày 21/6/2012, Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên xử phạt 24 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”. Ra trại ngày 17/3/2014.

+ Tại bản án số 277/2015/HSST ngày 23/9/2015, Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên xử phạt 36 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”. Ra trại ngày 17/6/2018.

Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh TH từ ngày 21/10/2018 đến nay. Có mặt tại phiên tòa

*** Người bị hại:** Chị Đinh Thị H, sinh năm 1993 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 12, phường Trung Vương, TP TH, tỉnh TH

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Chị Phạm Thị Hồng H sinh năm 1993.(Có mặt tại phiên tòa)

Địa chỉ: Tổ 14, phường Đồng Quang, TP TH, tỉnh TH

***Người làm chứng:** 1. Chị Phạm Việt A, sinh năm 1994(Có mặt)

Địa chỉ: Tổ 18, phường Phan Đình Phùng, TP TH, tỉnh TH.

2. Chị Nguyễn Thúy H, sinh năm

Địa chỉ: Tổ 06, phường Quang Trung, TP TH, tỉnh TH.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Văn L và Bùi Văn C là các đối tượng nghiện ma túy , không có việc làm ổn định, thường xuyên đi lang thang trên địa bàn thành phố Thái Nguyên xem ai có tài sản sơ hở thì cướp giật bá n lấy tiền tiêu xài và mua ma túy để sử dụng . Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 19/10/2018, Bùi Văn Cường mượn xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave , màu xanh đen, biển kiểm soát: 20B1 – 540.97 của chị Phạm Thị Hồng Hoa (sinh năm 1993, trú tại: tổ 14, phường Đồng Quang , thành phố Thái Nguyên) là vợ của Cường , đi đến nhà Lê Văn L ở tổ 18, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên . Đến khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, L rủ Cường đi cướp giật tài sản của người đi đường, Cường đồng ý. Cường điều khiển xe mô tô Honda Wave, màu xanh đen, biển kiểm soát: 20B1 – 540.97 chở L ngồi sau đi trên đường Bắc Kạn thì thấy chị Đinh Thị Hằng (sinh năm 1993, trú tại: tổ 12, phường Trung Vương, thành phố TH) đang điều khiển chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Honda Wave , màu đen, biển kiểm soát : 98B1 – 148.95, chở chị Nguyễn Thúy Hương (sinh năm 1988, trú tại: tổ 6, phường Quang Trung, TP TH) ngồi sau, tay trái chị Hằng đang cầm một chiếc c điện thoại đi động, nhãn hiệu Iphone 7 Plus 128 Gb,

màu vàng, đặt kê lên tay lái bên trái của xe mô tô. Lúc này, L bảo C điều khiển xe mô tô vượt lên, áp sát vào xe của chị Hằng để L ngồi phía sau sẽ giật chiếc điện thoại trên , C đồng ý. C dừng xe ở bên đường , lấy một tờ giấy trên vỉa hè dán đề lên biển kiểm soát sau đó tiếp tục cho xe chạy đuổi theo xe mô tô của chị Hằng . Khi đi đến khu vực Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên cũ thuộc tổ 8, phường Hoàng Văn Thụ , thành phố TH thì Cường điều khiển xe mô tô vượt lên , áp sát vào xe của chị Hằng , L ngồi phía sau bất ngờ dùng tay phải giật mạnh chiếc điện thoại mà chị Hằng đang cầm trên tay trái rồi C tăng ga bỏ chạy về phía đường tròn trung tâm thành phố TH, rẽ vào đường Phù Liễn, đi vào đường Minh Cầu và về nhà của L. Sau khi giật được chiếc điện thoại , cả hai thỏa thuận, L giữ chiếc điện thoại và khi nào gọi thì cả hai sẽ cùng nhau đi bán lấy tiền tiêu xài. Chị Hằng điều khiển xe mô tô đuổi theo được một đoạn thì bị mất dấu C và L, sau đó, chị Hằng đã đến Công an thành phố TH để trình báo sự việc.

Tại bản kết luận số 314/HĐĐGTS ngày 01/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố TH, kết luận: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, 128 Gb, màu vàng, có số IMEI: 359179077524691, đã qua sử dụng. Định giá **11.500.000 đồng**.

Tại Cơ quan điều tra, Lê Văn L và Bùi Văn C đã khai nhận rõ toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của L, C phù hợp với lời khai của người bị hại chị Đinh Thị Hằng , người làm chứng , người có quyền lợi , nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Vật chứng của vụ án:

- 01 (một) chiếc điện thoại di động , nhãn hiệu Iphone 7 Plus, loại 128 GB, màu vàng, có số IMEI: 359179077524691, bên trong có 01 sim, điện thoại đã qua sử dụng của chị Đinh Thị Hằng. Hiện đã được trả lại cho chị Hằng quản lý và sử dụng.

- 01 (một) xe mô tô, nhãn hiệu Honda Wave, màu xanh đen, biển kiểm soát: 20B1 – 540.97, đã qua sử dụng , đăng ký xe mang tên Phạm Thị Hồng Hoa . Hiện đã được trả lại cho chị Phạm Thị Hồng Hoa là chủ sở hữu để tiếp tục quản lý và sử dụng.

Phản dân sự: Chị Đinh Thị Hằng không có yêu cầu, đề nghị gì.

Tại bản cáo trạng số 54/CT – VKSTPTN ngày 25/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH đã truy tố các bị cáo Lê Văn L và Bùi Văn C về tội “Cướp giật tài sản” quy định tại khoản 2 Điều 171 BLHS.

Kết thúc phần thẩm vấn, tại phần tranh luận, vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố TH giữ quyền công tố đã công bố bản luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố.

Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo phạm tội: các bị cáo Lê Văn L và Bùi Văn C về tội “ Cướp giạt tài sản”.

- Áp dụng điểm d , khoản 2 Điều 171; điểm s, khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 BLHS xử phạt: Lê Văn L từ 04 năm 06 tháng đến 05 năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo

- Áp dụng điểm d, i, khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 BLHS xử phạt: Bùi Văn C từ 04 năm 06 tháng đến 05 năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo

- Về xử lý vật chứng: - 01 (một) chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 7 Plus, loại 128 GB, màu vàng, có số IMEI: 359179077524691, bên trong có 01 sim, điện thoại đã qua sử dụng của chị Đinh Thị H . Hiện đã được trả lại cho chị H quản lý và sử dụng.

- 01 (một) xe mô tô, nhãn hiệu Honda Wave, màu xanh đen, biển kiểm soát: 20B1 – 540.97, đã qua sử dụng, đăng ký xe mang tên Phạm Thị Hồng Hiện đã được trả lại cho chị Phạm Thị Hồng H là chủ sở hữu để tiếp tục quản lý và sử dụng.

Phản dân sự: Chị Đinh Thị H không có yêu cầu, đề nghị gì.

- Áp dụng điều 136 BLTTHS; Điều 23, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo phải nộp 200.000đ án phí HSST vào ngân sách nhà nước.

Trong phần tranh luận, các bị cáo không tranh luận và thừa nhận việc truy tố là đúng tội, không oan, xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm được trở về cùng gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, của Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH, của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đều hợp pháp.

[2] . Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Lê Văn L và bị cáo Bùi Văn C đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của các bị cáo là hoàn toàn khách quan, phù hợp với lời khai của người bị hại, Nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu giữ và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ kết luận: Do cần tiền tiêu xài và nghiện nghiện ma túy, Lê Văn L đã bàn bạc và rủ Bùi Văn C đi xem ai trên đường có sơ hở để cùng nhau cướp giật tài sản. Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 19/10/2018 tại khu vực tổ 8, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Thái Nguyên, Bùi Văn Cường đã điều khiển xe mô tô áp sát bên trái xe mô tô do chị Đinh Thị H đang điều khiển để Lê Văn L ngồi sau thực hiện hành vi cướp giật 01 (một) chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 7 Plus, loại 128 GB, màu vàng, có số IMEI : 359179077524691, trị giá 11.500.000 đồng của chị Đinh Thị Hằng. Hiện tài sản đã được thu hồi được và trả lại cho chị Đinh Thị Hằng là chủ sở hữu để quản lý và sử dụng. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Cướp giật tài sản, tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 171 BLHS.

[3]. Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH truy tố các bị cáo về tội danh và hình phạt viện dẫn là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

Điều 171 BLHS quy định như sau:

“..1. Người nào cướp giật tài sản của người khác, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:

....

d) Dùng thủ đoạn nguy hiểm;

...

i) Tái phạm nguy hiểm.”

Xét hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân, quyền bất khả xâm phạm đến tính mạng sức khỏe của con người, gây dư luận xấu, làm mất trật tự trị an tại địa phương nên hành vi này phải xét xử bằng pháp luật hình sự và có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ và hành vi của các bị cáo gây ra để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4]. Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS các bị cáo được hưởng:

Bị cáo Lê Văn L có nhân thân rất xấu, có 03 tiền án, bị Tòa án xét xử về các tội “ Trộm cắp tài sản ; Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Chấp hành xong hình phạt ngày 28/08/2017, chưa được xóa án tích. Bị cáo L đã không lấy đó là bài học để rèn luyện bản thân mà còn tiếp tục phạm tội. Lần phạm tội này thuộc trường hợp “Tái phạm” vì vậy bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, khoản 1 Điều 52 BLHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên bị cáo được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS.

Đối với bị cáo Bùi Văn C có nhân thân rất xấu, có 05 tiền án bị Tòa án xét xử về các tội “ Cướp tài sản” và “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích, còn tiếp tục phạm tội. Lần phạm tội này thuộc trường hợp “Tái phạm nguy hiểm” là tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm i, khoản 2 Điều 171 BLHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, khoản 1 Điều 51 BLHS, bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào quy định tại Điều 52 BLHS.

Trong vụ án này, Lê Văn L tham gia đồng phạm với vai trò là người khởi xướng, chủ mưu và trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, Bùi Văn C tham gia đồng phạm với vai trò là người giúp sức tích cực thực hiện hành vi phạm tội đến cùng, xét vai trò thực hiện hành vi phạm tội của L và C trong vụ án này là ngang nhau , vì vậy hội đồng xét xử căn cứ vào mức độ, hành vi của từng bị cáo để xem xét có mức hình phạt tương xứng đối với các bị cáo.

[5]. Về hình phạt: Hội đồng xét xử xét thấy, để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật , cần có mức hình phạt tương xứng đối với các bị cáo, buộc cách ly xã hội một thời gian để cải tạo giáo dục các bị cáo thành người lương thiện. Mức hình phạt đại diện Viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính, Các bị cáo còn phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền do hành vi chiếm đoạt tài sản để sử dụng cho bản thân, tuy nhiên hội đồng xét xử xét thấy, các bị cáo đều không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập gì, không có tài sản gì riêng, nên miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho các bị cáo.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Hiện chiếc điện thoại di động đã được thu hồi và trả lại cho bị hại quản lý sử dụng. Bị hại không có yêu cầu gì, nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[8]. Về xử lý vật chứng:

- 01 (một) chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 7 Plus, loại 128 GB, màu vàng, có số IMEI: 359179077524691, bên trong có 01 sim, điện thoại đã qua sử dụng của chị Đinh Thị Hằng. Hiện đã được trả lại cho chị Hằng quản lý và sử dụng.

- 01 (một) xe mô tô, nhãn hiệu Honda Wave, màu xanh đen, biển kiểm soát: 20B1 – 540.97, đã qua sử dụng, đăng ký xe mang tên Phạm Thị Hồng Hiện đã được trả lại cho chị Phạm Thị Hồng là chủ sở hữu để tiếp tục quản lý và sử dụng. Chị Hoa không có ý kiến đề nghị gì.

[9]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

[10]. Các vấn đề khác: Cần áp dụng Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự ra quyết định tạm giam đối với bị cáo để đảm bảo việc thi hành án.

Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn L và bị cáo Bùi Văn C phạm tội “ Cướp giật tài sản”.

- **Căn cứ vào:** điểm d, khoản 2 Điều 171 ; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 BLHS. Xử phạt: Lê Văn L : **05** (Năm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 21/10/2018.

Áp dụng Điều 239 BLTTHS năm 2015 Quyết định tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

- **Căn cứ vào:** điểm d, i, khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 BLHS. Xử phạt: Bùi Văn C: **05** (năm) **06** (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 21/10/2018.

Áp dụng Điều 239 BLTTHS năm 2015 Quyết định tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

2. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình sự bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét, giải quyết.

4. Án phí: Căn cứ Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của UBTV Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án: Buộc bị cáo Lê văn L phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng), buộc bị cáo Bùi Văn C phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND, Tỉnh, TP;
- Công an TPTN;
- THA phạt tù;
- Sở Tư pháp TN;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Anh Thư

